

Bản án số: **159/2024/DS - PT**

Ngày: 06 – 9 – 2024

Về việc “*Tranh chấp liên quan đến
bồi thường thiệt hại theo hợp đồng
dịch vụ gửi xe ô tô*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp liên quan đến bồi thường thiệt hại theo hợp đồng dịch vụ gửi xe ô tô*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 246/2024/QĐ – PT ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm A; Địa chỉ: Số 104 đường E, phường R, quận Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Văn D** – Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra pháp chế - Công ty A Đà Nẵng hoặc ông **Trần Trương T** – Chức vụ: Phó phòng Bảo hiểm số 2 – Công ty A Đà Nẵng; Cùng địa chỉ: Số 97 đường U, quận I, thành phố Đà Nẵng; Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy uỷ quyền số: 6510/UQ-

BHBV ngày 29/10/2019 của Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và Giấy ủy quyền số: 119/UQ-BVĐNA của Giám đốc A Đà Nẵng lập ngày 05/3/2020).

Tại phiên tòa ông D có mặt, ông T vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B. Mã số doanh nghiệp: 430042xxxx; Địa chỉ: Khu tái định cư O, xã P, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Mạnh H – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Minh D1, sinh năm 1983, CCCD số 04808300xxxx; Và/hoặc bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 1997, CCCD số 04519700xxxx; cùng địa chỉ: Số 02 đường G, phường J, quận K1, thành phố Đà Nẵng. Là những người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 06/8/2024 của người đại diện theo pháp luật của Công ty).

Tại phiên tòa có mặt ông Phạm Mạnh H cùng Trần Minh D1 và bà Lê Thị Thúy N.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ban Quản trị Nhà chung cư L; Địa chỉ: Số 72 đường X, phường C, quận K1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Trưởng Ban Quản trị Nhà chung cư L: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L1 – Giám sát Dịch vụ Ban Quản lý Tòa nhà (theo Giấy ủy quyền số: 2708/GUQ-BQT ngày 27/8/2024). Bà Lê có mặt.

3.2. Bà Phạm Thị Kim T1; địa chỉ: Căn hộ B0802 Chung cư L, số 72 X, phường C, quận K1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.3. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q; Địa chỉ liên hệ: Số 127 đường V, phường M, quận K1, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Khắc K** – Chức vụ: Chuyên viên Phòng pháp chế & Điều tra chống trục lợi bảo hiểm và bà **Nguyễn Hoài N** – Chức vụ: Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật – M Nam Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 02/2022/GUQ-M ngày 01/01/2022 và Giấy ủy quyền số 987/2024/GUQ-M ngày 22/4/2024). Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18.12.2019, lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tổng Công ty bảo hiểm A trình bày:*

Bà Phạm Thị Kim T1 trú tại căn hộ B0401 chung cư L (Chung cư L), số 72 đường X, quận K1, thành phố Đà Nẵng là chủ xe ô tô hiệu KIA RIO - Biển số: 43A - 201.XX. Bà T1 có đăng ký gửi xe ô tô 43A - 201.XX tại tầng hầm tòa nhà chung cư L. Chi nhánh Công ty B có ký với Ban quản trị tòa nhà Chung cư L Hợp đồng số: 02/BQT-72 HN-TM, ngày 10 tháng 02 năm 2018 - Hợp đồng dịch vụ quản lý vận

hành nhà chung cư. Hàng tháng bà T1 thanh toán tiền dịch vụ gửi xe cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B - Đà Nẵng (Công ty B).

Vào ngày 08 tháng 12 năm 2018, xe ô tô 43A - 201.XX của bà T1 để dưới tầng hầm tòa nhà chung cư L thì đến rạng sáng ngày 09 tháng 12 năm 2018, tầng hầm bị nước mưa tràn vào làm ngập hoàn toàn xe ô tô. Sau đó 03 ngày, ngày 11 tháng 12 năm 2018, Ban Quản trị tòa nhà chung cư bơm hút nước, xe ô tô 43A - 201.XX mới được đưa ra khỏi tầng hầm đi sửa chữa. Căn cứ vào giám định thiệt hại tại hãng H, chi phí sửa chữa thiệt hại do xe bị ngập nước và cứu hộ là: 163.434.995 đồng. Bà T1 là người sử dụng dịch vụ tại chung cư trong đó có việc trông giữ xe ô tô 43A - 201.XX. Trong quá trình mưa lớn, nước mưa có nguy cơ tràn vào tầng hầm nhưng Chi nhánh Công ty B đã chủ quan không dùng các biện pháp cấp bách dùng chuông báo động hoặc gọi điện thoại trực tiếp cho chủ xe để di chuyển xe đến nơi đậu an toàn. Chủ sở hữu xe chỉ được nhân viên trong Ban quản trị tòa nhà đến trực tiếp thông báo vào lúc 05 giờ 30 phút sáng, ngày 09/12/2018. Việc thông báo sự cố chậm, Công ty B không triển khai ngay việc bơm nước để cứu tài sản, dẫn đến xe bị ngập sâu và ngâm lâu trong nước ba ngày, gây hư hỏng nặng thêm nhiều bộ phận trong xe. Theo Văn bản trả lời số: 20/TM ngày 26.6.2019 của Chi nhánh B đã thông báo rằng sự cố trên “không do lỗi của B” và cho rằng trường hợp tổn thất này là bất khả kháng. Nguyên đơn cho rằng đây là sự thiếu trách nhiệm của Chi nhánh Công ty B gây thiệt hại đối với người sử dụng dịch vụ của mình. Chi nhánh Công ty B có tham gia bảo hiểm tại nhà chung cư L tại Công ty Bảo hiểm M Nam Đà Nẵng với hợp đồng bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt. Nhưng trong các cuộc họp sau khi xảy ra vụ việc B đã không mời và thông báo Công ty bảo hiểm tòa nhà đến giải quyết trực tiếp cho người dân sinh sống tại chung cư về trách nhiệm của Công ty bảo hiểm khi có tổn thất tài sản được bảo hiểm trong tòa nhà.

Xe ô tô 43A - 201.XX của bà T1 tham gia bảo hiểm vật chất xe tại A Đà Nẵng, theo chứng nhận bảo hiểm số: 4804779 có thời hạn từ ngày 14/7/2018 đến 13/7/2019. Sau khi xe bị ngập nước Công ty A Đà Nẵng đã tiến hành giám định tổn thất và lập phương án sửa chữa xe với số tiền: 163.434.995 đồng. Ngày 13/9/2019, A làm thủ tục bồi thường chi phí sửa xe và chi phí cứu hộ xe 43A - 201.XX cho bà T1 tại Công Ty Cổ phần ô tô Trường Hải - Chi Nhánh Đà Nẵng với số tiền là 163.434.995 đồng. Ngày 15/8/2019 bà Phạm Thị Kim T1 có Văn bản thế quyền cho Công ty A. Theo đó, Tổng Công ty Bảo Hiểm A được hoàn toàn thế quyền của bà T1, tiến hành mọi thủ tục cần thiết theo luật định, kể cả việc tiến hành các thủ tục tố tụng ở Tòa án, thi hành án và các cơ quan có thẩm quyền liên quan để thực hiện việc trực tiếp thu đòi bên thứ ba là Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ B. Do đó, Tổng Công ty Bảo Hiểm A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải bồi thường cho A số tiền: 163.434.995 đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B: Theo các văn bản gửi Tòa án cấp sơ thẩm đại diện bị đơn trình bày:*

Chi nhánh Công ty B là đơn vị cung ứng dịch vụ quản lý vận hành Chung cư L theo Hợp đồng số: 02/BQT-72HN-TM ngày 10 tháng 02 năm 2018 đã ký kết với Ban Quản trị nhà chung cư L. Theo Điều 3 “*Công việc quản lý vận hành nhà chung cư*” của Hợp đồng nêu trên, Công ty B cung cấp các dịch vụ trong việc quản lý và vận hành. Tuy nhiên, Công ty B không phải bên cung ứng dịch vụ giữ xe đối với bà Phạm Thị Kim T1, mà chỉ là bên thu phí dịch vụ giữ xe cho căn hộ theo sự ủy quyền của Ban Quản trị, theo mục IV Điều 4 “*Nguyên tắc xác định giá dịch vụ và phương thức thanh toán*” của Hợp đồng. Công ty B phải chuyển toàn bộ các khoản tiền thu được theo nội dung ủy quyền về cho Ban quản trị chung cư. Công ty B không phải bên thụ hưởng giá dịch vụ giữ xe ô tô, xe máy của căn hộ. Điều này lý giải cho việc giữa Công ty B và bà Phạm Thị Kim T1 cũng như tất cả các chủ căn hộ khác trong khu chung cư chưa bao giờ có thỏa thuận hoặc ký kết bất cứ hợp đồng nào về việc giữ xe ô tô, xe máy. Đây là trường hợp bất khả kháng mà sức người không thể chống đỡ được, lúc này ở ngoài đường cũng ngập nặng chứ không riêng gì tầng hầm, tại thời điểm mưa to Công ty B đã nhanh chóng gõ cửa thông báo cho bà T1, bà T1 xuống điều khiển xe ra khỏi tầng hầm nhưng nửa đường xe bị chết máy không lên được nữa kéo theo nhiều xe ô tô bị mắc kẹt phía dưới. Bà T1 cũng thừa nhận ký vào văn bản do Công ty A soạn thảo không diễn biến khách quan như tại đêm mưa ngập.

Việc trang bị máy bơm thuộc về trách nhiệm của Ban Quản trị và chủ đầu tư, đây là sự kiện bất khả kháng. Ngoài ra không phát sinh hợp đồng gửi giữ xe giữa Công ty B và chủ sở hữu xe, Công ty B chỉ có trách nhiệm thu hộ tiền cho Ban quản trị, Công ty B hoàn toàn không có lỗi trong thiệt hại này. Mặt khác, phía bị đơn nếu là bên liên quan thì việc tại Biên bản giám định thiệt hại chỉ được ký kết giữa Công ty Bảo hiểm và người bị thiệt hại (chủ xe) mà không có sự tham gia của bị đơn hoặc bên thứ ba có chức năng giám định là không khách quan.

* *Quá trình giải quyết vụ án đại diện Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Q - Công ty Bảo hiểm M Đà Nẵng (Bảo hiểm M) là ông Hoàng Khắc K trình bày ý kiến:*

Tại thời điểm mưa lớn làm ngập tầng hầm chung cư L là sự kiện bất khả kháng và phía Công ty B đã phối hợp với Ban Quản trị nhà chung cư L sử dụng các biện pháp kịp thời thông báo và đưa xe của người dân trong tầng hầm chung cư ra ngoài, tuy nhiên vượt quá khả năng của Công ty B đã phối hợp với Ban Quản trị nhà chung cư L.

Tài sản của bà T1 không nằm trong phạm vi hợp đồng bảo hiểm của Bảo hiểm M. Do vậy, thiệt hại của bà T1 không thuộc trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm M.

Đối với trường hợp Công ty B có yêu cầu Bảo hiểm M bồi thường những tổn thất nói trên thì Công ty B phải có trách nhiệm thu thập, cung cấp hồ sơ bồi thường để Bảo hiểm M xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

* *Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ :

- Điều 554, 555 và 556 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 49 Luật kinh doanh bảo hiểm;
- Khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* Xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ B phải có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty A số tiền 81.717.497đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty A về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ B bồi thường thiệt hại với số tiền 81.717.497đ.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí Dân sự sơ thẩm:

+ Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ B phải chịu là 4.085.874đ

+ Tổng công ty A phải chịu 4.085.874đ. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.600.000đ theo biên lai thu số: 0001699 ngày 08 tháng 01 năm 2020, của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hoàn lại cho Tổng công ty A số tiền 514.126đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 04 tháng 6 năm 2024, bị đơn Công ty B có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: sự việc xảy ra là trường hợp bất khả kháng. Bản án sơ thẩm tuyên không nhận định, đánh giá đúng về sự việc. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm A.

Đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Bảo hiểm A không đồng ý với kháng cáo của Công ty B, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của Công ty B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về thời hạn kháng cáo của bị đơn: Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử và tuyên Bản án số: 42/2024/DS-ST vào ngày 21 tháng 5 năm 2024, bị đơn Công ty B có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vào ngày 04 tháng 6 năm 2024 là đảm bảo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Phạm Thị Kim T1, Tổng Công ty CP Bảo hiểm Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B (*Công ty B*).

[2.1] Chi nhánh Công ty B và Ban Quản trị nhà chung cư L (*gọi tắt là Ban Quản trị nhà chung cư*) có ký Hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư số 02/BQT-72HN-TM ngày 10/02/2018; thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 01/3/2018 (*Gọi tắt là Hợp đồng 02*). Theo khoản 1, 3 Điều 3 Hợp đồng, Chi nhánh Công ty B chỉ là người được Ban Quản lý nhà chung cư *thuê* và chỉ thực hiện các công việc theo ủy quyền quản lý của Ban Quản trị nhà chung cư. Chi nhánh Công ty B và bà Phạm Thị Kim T1 không có thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng nào về việc giữ xe ô tô, Chi nhánh Công ty B không phải bên cung ứng dịch vụ giữ xe ô tô 43A - 201.XX của bà T1. Chi nhánh Công ty B thu tiền xe 400.000 VNĐ/tháng/xe ô tô của các hộ sở hữu căn hộ tại nhà chung cư (*trong đó có xe ô tô 43A - 201.XX của bà T1 chủ căn hộ B0401*) là thu tiền phí quản lý theo ủy quyền của Ban Quản trị nhà chung cư. Số tiền này Chi nhánh Công ty B không được hưởng mà phải chuyển toàn bộ về cho Ban Quản trị chung cư theo Hợp đồng 02.

[2.2] Vào đêm ngày 08/12/2018, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trời mưa to kéo dài, nước mưa tràn chảy vào tầng hầm đỗ xe chung cư L, nước dâng cao trong tầng hầm. Khi phát hiện sự việc nước tràn vào tầng hầm, Ban Quản trị chung cư, Công ty B đã huy động toàn bộ nhân công, thông báo đến toàn bộ các hộ dân sinh sống tại chung cư trong đó có bà T1 để phối hợp đưa các xe lên, đã di dời được hầu hết xe ô tô ra khỏi vùng ngập, còn xe 43A - 201.XX do bà T1 không thực hiện đúng cam kết

với Ban Quản trị chung là để lại chìa khóa xe cho lực lượng bảo vệ để thực hiện việc di dời xe khi có sự cố nên không thể di dời xe bà T1 ra khỏi vùng ngập được. Bà T1 cũng xuống điều khiển xe ra khỏi tầng hầm nhưng nửa đường xe bị chết máy không lên được. Công ty B cũng như Ban Quản trị chung cư đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép để khắc phục nhưng vẫn không thể khắc phục được. Lý do là lưu lượng mưa đo được là quá lớn chưa từng có xảy ra trong nhiều năm qua trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, dẫn đến nước tiêu thoát không kịp gây ngập úng hầu như toàn bộ các tuyến đường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, riêng tại chung cư L nước ngập sâu các tuyến đường tiếp giáp tứ cận chung cư đã tràn chảy vào tầng hầm chung cư thông qua hệ thống thoát nước, khe thông gió và lối ra (đường Tản Đà) của tầng hầm. Việc mưa lớn dẫn đến ngập úng toàn thành phố Đà Nẵng, không riêng gì tại chung cư L. Do vậy, đây là sự kiện bất khả kháng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng Công ty B cũng có một phần lỗi là chưa phù hợp.

[3] Xe ô tô mang BKS 43A - 201.XX của bà T1 có tham gia bảo hiểm vật chất tại Tổng Công ty bảo hiểm A, xe bị hư hỏng đang còn trong thời hạn bảo hiểm. Sau khi xe bị ngập nước, theo yêu cầu của bà T1, Công ty A Đà Nẵng đã tiến hành giám định tổn thất và lập phương án sửa chữa xe, làm thủ tục bảo lãnh xe, bồi thường chi phí sửa xe 43A - 201.XX của bà T1 cho Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải với số tiền 163.434.995 đồng là đúng quy định pháp luật.

Sau khi được Công ty A Đà Nẵng bồi thường, bà T1 có văn bản thế quyền cho Tổng Công ty Bảo hiểm A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải bồi thường lại số tiền đã bồi thường cho Tổng Công ty Bảo hiểm A. Tuy nhiên, như đã nhận định trên thì việc xe ô tô 43A - 201.XX của bà T1 bị ngập nước dẫn đến thiệt hại là sự kiện bất khả kháng, Công ty B không có lỗi nên không có trách nhiệm bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả lại cho Tổng Công ty Bảo hiểm A 50% thiệt hại xe ô tô 43A - 201.XX của bà T1 với số tiền là 81.717.497 đồng là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX chấp nhận trình bày của đại diện Công ty B tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của Công ty B. Sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm A. Về ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm A và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không phù hợp với phân tích nhận định trên của HĐXX nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Tổng Công ty Bảo hiểm A phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $(163.434.995 \text{ đồng} \times 5\%) = 8.171.750 \text{ đồng}$.

- Công ty B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty B không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Điều 554, 555 và 556 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 49 Luật kinh doanh bảo hiểm;

- Khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Bảo hiểm A đối với Công ty TNHH MTV TM và DV B về việc buộc Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ B phải có nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty Bảo hiểm A số tiền 163.434.995 đồng.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng công ty A phải chịu số tiền là 8.171.750 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.600.000 đồng theo biên lai thu số 0001699 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tổng công ty Bảo hiểm A còn phải nộp số tiền 3.571.750 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001297 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Cục THADS Tp Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Hiếu